TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020.
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Nguyễn Đình Tuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HN&GĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Chị Cà Thị H**; sinh năm: 1983; địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Cà Văn B**; sinh năm: 1977; địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Cà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Cuộc sống chung của hai anh chị có hạnh phúc được mấy tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bình sử dụng ma túy, đã nhiều lần chị H khuyên can nhưng anh B không có sự thay đổi. Chính vì lý do đó dẫn đến mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị hay bất hòa. Đến năm 2016 giữa hai vợ chồng mặc dù chung sống dưới một mái nhà nhưng không

phát sinh quan hệ vợ chồng, cũng như yêu thương, chăm sóc nhau. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, nên cuối năm 2018 chị H đã bỏ về nhà sống cùng bố mẹ đẻ của mình cho đến nay. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ thì vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh B đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị H với anh Cà Văn B.

Về con chung: Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B có 02 người con chung, cháu Cà Thanh Đ, sinh ngày 15/10/2002 và cháu Cà Thế A, sinh ngày 09/10/2004. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống cùng chị H tại bản P, xã Q, huyện T. Khi tuyên bố chị H và anh B không có quan hệ vợ chồng; chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và Thế A. Không yêu cầu anh Cà Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Cà Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cà Văn B cũng thừa nhận rằng, anh B và chị Cà Thị H không có đăng ký kết hôn. Hai anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, mặc dù biết phải đi đăng ký kết hôn nhưng vì công việc quá bận nên không đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do chị Hà đi làm ăn xa và có nhiều người đàn ông khác dụ dỗ. Anh B và chị H có thời gian đi làm chung với nhau, chỉ vì một lần mâu thuẫn mà chị H bỏ về nhà không làm nữa nên anh B cũng bỏ về theo. Sau khi về nhà, chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở mà không tiếp tục chung sống với anh B nữa. Thời gian anh B và chị H không còn chung sống với nhau là vào khoảng cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung không quan tâm, liên lạc gì với nhau chỉ bàn chuyện của con. Khoảng năm 2017 - 2018 anh B có thừa nhận mình sử dụng ma túy, tuy nhiên anh B thấy hành vi của mình là sai nên đã tự bỏ ma túy và hiện tại không còn nghiện ma túy nữa. Đến nay anh B vẫn còn tình cảm với chị H, không đồng ý với yêu cầu chị H đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị H.

Về con chung: Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B có 02 người con chung, cháu Cà Thanh Đ, sinh ngày 15/10/2002 và cháu Cà Thế A, sinh ngày 09/10/2004. Nếu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B với chị H thì anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và Thế A. Không yêu cầu chị Cà Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý:

Về tố tụng: Đã thực hiện theo quy định của tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị H và anh Cà Văn B.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Cà Thanh Đ sinh ngày 15/10/2002 cho anh Cà Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành; giao cháu Cà Thế A sinh ngày 09/10/2004 cho chị Cà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Mỗi người nuôi một con nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh B và chị H được quyền thăm nom con chung và được tôn trọng quyền nuôi con của mình, không ai được cản trở. Anh B và chị H được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị H, do chị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị H với anh Cà Văn B thì được xác định là vụ án yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Cà Thị H nộp đơn khởi kiện, anh Cà Văn B có nơi ĐKHKTT tại bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại phiên tòa các đương sự có mặt đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị Cà Thị H và anh Cà Văn B được xác lập vào năm 2003, việc sống chung là do hai anh chị tự nguyện; đến thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ trên lời khai của

đương sự, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tuần thì xác định chị Cà Thị H và anh Cà Văn B không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, quan hệ của hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nên có thể khẳng định hôn nhân của hai anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xác định yêu cầu của chị Cà Thị H là có cơ sở để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị H và anh Cà Văn B.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Cà Thị H và anh Cà Văn B, cũng như nguyện vọng của cháu Đ và cháu Thế A thì thấy: Về quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thì chị H và anh B đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng; việc cả hai anh chị đều muốn tự mình nhận nuôi cả hai người con chung và nguyện vọng của các cháu; như vậy sẽ tạo gánh nặng và cũng thiếu ổn định cho cả hai cháu. Nên thấy rằng, xét về điều kiện người trực tiếp nuôi con của chị H và anh B thì cần để mỗi người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung, như vậy sẽ đảm bảo về mọi mặt cho con, giúp cho con có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 15, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thế A; giao anh Cà Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thế Đ. Do mỗi người đều có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Cà Thị H đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị H và anh Cà Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thế A; sinh ngày 09/10/2004 cho đến khi cháu Thế A đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh Cà Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thanh Đ; sinh ngày 15/10/2002 cho đến khi cháu Điệp đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Cà Thị H, anh Cà Văn B có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Cà Thị H, anh Cà Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H, anh B thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị H, anh Cà Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Cà Thị H được miễn án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị H và anh Cà Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/5/2020).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga